UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55 /QĐ-SGTVT

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi phù hiệu của phương tiện vi phạm tốc độ tháng 02 năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ và Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ Quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15/04/2015 quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

Căn cứ kết quả tổng hợp, phân tích tình hình vi phạm trích xuất từ Hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu thiết bị giám sát hành trình thuộc Cục Đường bộ Việt Nam tháng 02 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi không thời hạn phù hiệu kinh doanh vận tải của 28 phương tiện thuộc 07 đơn vị kinh doanh vận tải do vi phạm tốc độ tháng 02 năm 2024.

(Danh sách chi tiết các đơn vị, phương tiện vi phạm tốc độ do bị thu hồi phù hiệu theo phụ lục đính kèm).

- Lý do thu hồi: Có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.

Điều 2. Phù hiệu cấp cho các phương tiện nêu tại Điều 1 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Yêu cầu các đơn vị vận tải có phương tiện vi phạm tại Điều 1 của Quyết định này.

- Có trách nhiệm nộp phù hiệu bị thu hồi về Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng khi nhận được Quyết định thu hồi.

- Không được sử dụng phương tiện bị thu hồi để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu.

- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi điều kiện an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe, thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình để bảo đảm duy trì trình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định trong suốt quá trình tham gia giao thông; có hình thức xử lý lái xe vi phạm quá tốc độ theo quy định và nhân viên theo dõi về điều kiện an toàn giao thông theo quy chế của đơn vị.

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thì đơn vị kinh doanh vận tải phải làm thủ tục để được cấp lại phù hiệu theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ.

- Các bến xe khách không xác nhận vào Lệnh vận chuyển đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bị thu hồi phù hiệu tại Điều 1 của Quyết định này, sau khi đơn vị chưa thực hiện thủ tục cấp lại phù hiệu cho phương tiện.

3. Giao Thanh tra sở phối hợp phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái theo dõi các đơn vị giao nộp phù hiệu về Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng, giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm đối với trường hợp đơn vị cố tình sử dụng phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu. Xử phạt vi phạm hành chính đối với đơn vị về lỗi "không nộp lại phù hiệu về Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng theo quy định" quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 28 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP).

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái, Chánh Thanh tra, Giám đốc các đơn vị có phương tiện vi phạm và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- UBND tỉnh;
- Cục ĐBVN;
- Sở GTVT các tỉnh, tp;
- Công an các tỉnh, tp;
- Website của sở;
- Lưu: VT, QLVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH SÓC TRĂNG

Nguyễn Thu Thảo

Phụ lục

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU VẬN TẢI DO VI PHẠM TỐC ĐỘ

Có 5 lần vi phạm tốc độ/1000km xe chạy tháng 02/2024 (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05km/h trở xuống)

(Thời gian tính từ ngày 01/02/2024 đến 29/02/2024)

(Kèm theo Quyết định số: 55 /QĐ-SGTVT ngày 21 /3/2024 của Sở Giao thông vận tải)

TT	Biển số	Đơn vị quản lý	Loại phù hiệu	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình	Ghi chú
							Lần	/1000 Km		
1	83C09475	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THUẬN TIẾN	Xe tải	XT9423000596	01/12/2023	06/12/2024	196	12,32415	15.903,73	
2	83B01056		Xe tuyến cố định	CĐ9424000014	22/01/2024	27/01/2025	190	10,52333	18.055,13	BX Trần Đề -BX An Phú (BD)
3	83E00220		Xe hợp đồng	HĐ9424000072	01/02/2024	06/02/2026	174	10,91516	15.941,13	
4	83G00166		Xe hợp đồng	HĐ9423000437	23/10/2023	27/10/2025	141	9,42046	14.967,42	
5	83F00064		Xe hợp đồng	HĐ9424000049	22/01/2024	27/01/2025	103	7,14606	14.413,53	
6	83H00494		Xe tải	XT9423000062	12/01/2023	13/01/2024	7	6,00682	1.165,34	
7	83H01296		Xe tải	XT9424000081	26/01/2024	30/01/2025	49	5,85859	8.363,79	
8	94B00317	HỢP TÁC XÃ DVVT THỐNG NHẤT	Xe tuyến cố định	CĐ9423000050	12/06/2023	30/06/2024	16	5,42255	2.950,64	BX Thạnh Trị - BX Miền Tây (Tp.HCM)

9	51B20107	CN-CÔNG TY TNHH VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH MỸ DUYÊN	Xe tuyến cố định	CĐ9423000090	07/11/2023	07/11/2030	208	6,64500	31.301,72	BX Sóc Trăng - BX Miền Tây (Tp.HCM)
10	51B23213			CĐ9423000079	10/10/2023	10/10/2030	58	5,25966	11.027,32	BX Trần Đề - BX Miền Tây (Tp.HCM)
11	51B23470			CĐ9423000055	17/07/2023	17/07/2030	81	5,99422	13.513,01	
12	51B15018			CĐ9423000089	07/11/2023	07/11/2030	187	9,83746	19.008,97	BX Sóc Trăng - BX Miền Tây (Tp.HCM)
13	51B11636	Công ty CP xe khách Phương Trang FUTABUSLINES	Xe tuyến cố định	CĐ9423000052	12/07/2023	12/07/2030	157	7,18202	21.860,15	BX Ngã Năm - BX Miền Tây (Tp.HCM)
14	51B27588			CĐ9423000098	06/12/2023	06/12/2030	157	6,43542	24.396,22	BX Sóc Trăng - BX Bến Cát (BD)
15	51B27929			CĐ9423000100	06/12/2023	06/12/2030	148	7,71090	19.193,61	BX Sóc Trăng - BX Bến Cát (BD)
16	51B27535			CĐ9423000082	12/10/2023	10/10/2030	136	7,22828	18.814,99	BX Ngã Năm - BX Miền Tây (Tp.HCM)
17	51B13906			CĐ9423000053	12/07/2023	12/07/2030	126	6,14252	20.512,74	BX Ngã Năm - BX Miền Tây (Tp.HCM)
18	51B13932			CĐ9423000042	18/04/2023	18/04/2030	124	5,62696	22.036,75	
19	51B26383			CĐ9423000057	17/07/2023	17/07/2030	118	6,24688	18.889,44	BX Sóc Trăng - BX Miền Tây (Tp.HCM)
20	51B10733			CĐ9423000054	12/07/2023	12/07/2030	117	6,71745	17.417,32	BX Ngã Năm - BX Miền Tây (Tp.HCM)

21	83C07807	Công ty TNHH Sơn Phụng	Xe tải	XT9424000143	26/02/2024	28/02/2025	120	5,47963	21.899,31	
22	83F00079		Xe hợp đồng	HĐ9423000436	23/10/2023	30/10/2024	74	6,76593	10.937,16	
23	83B01089		Xe hợp đồng	HĐ9423000103	02/03/2023	15/03/2024	281	7,80151	36.018,65	
24	83B00806		Xe hợp đồng	HĐ9424000068	29/01/2024	05/02/2026	72	17,47167	4.120,96	
25	83C00568		Xe tải	XT9423000234	24/03/2023	30/03/2024	6	5,13205	1.169,12	
26	83B01274		Xe hợp đồng	HĐ9423000278	02/06/2023	10/06/2025	31	6,58253	4.709,44	
27	51B19001	Doanh nghiệp tư nhân vận tải Bảo Ngọc	Xe tuyến cố định	CĐ9423000077	22/09/2023	21/09/2030	45	5,20157	8.651,23	BX Ngã Năm - BX Miền Tây (Tp.HCM)
28	83H00672	HTX dịch vụ vận tải Thủy Bộ	Xe tải	XT9422000286	09/03/2022	07/12/2024	12	7,02592	1.707,96	